

# THIẾT KẾ HỆ THỐNG CÂU HỎI ĐO LƯỜNG TRÍ TUỆ NGÔN NGỮ CỦA HỌC SINH DỰA THEO THUYẾT BA TẦNG TRÍ TUỆ CỦA STERNBERG

Nguyễn Thị Hồng Vân

Viện Khoa học Giáo dục Việt Nam  
Email: nhvan1965@gmail.com

## Article history

Received: 05/11/2021

Accepted: 28/11/2021

Published: 05/12/2021

## Keywords

Linguistic intelligence,  
Sternberg's triarchic theory of  
intelligence, test to measure  
linguistic intelligence

## ABSTRACT

The 2018 general education program has identified a system of learners' competencies and qualities that need to be formed and fostered. The program's competency system is related to perspectives on human multiple intelligences and should be considered in both teaching and assessment activities. The application of Sternberg's Triarchic Theory of Intelligence in building and designing assessment frameworks and measuring instruments for intellectual development can help to accurately, objectively and reliably assess learners' intelligence, thereby encouraging individual potential so that learners can achieve higher academic outcomes, meeting the goals of the program. Based on the Triarchic Theory of Intelligence, Robert Sternberg proposed a framework for assessing learners' intelligence. The article analyzes linguistic intelligence, Sternberg's Triarchic Theory of Intelligence and proposes to apply Sternberg's theory to a set of questions to measure the linguistic intelligence of Vietnamese students. The application of the assessment framework and measuring instruments for linguistic intelligence according to Robert Sternberg's Triarchic Theory of Intelligence can provide important information to facilitate the implementation of the 2018 General Education Program.

## 1. Mở đầu

Đổi mới là động lực chính cho sự phát triển KT-XH tại các quốc gia - bởi sự nghiệp đổi mới của một quốc gia muốn thành công phụ thuộc vào những con người sáng tạo, mà những kiến thức, kỹ năng, năng lực của họ lại được hình thành và phát triển phần lớn là qua giáo dục. Để hệ thống giáo dục có thể phát huy tác động cho sự nghiệp đổi mới, nhiều nước đã và đang thực hiện một số định hướng đổi mới, tạo ra những công dân có kỹ năng cao hơn trong nền kinh tế tri thức, giám sát chất lượng giáo dục bằng cách xây dựng khung đánh giá, tiêu chí đánh giá sự phát triển giáo dục và kiểm định chất lượng giáo dục. Qua đó có thể thấy, việc thiết kế khung đánh giá và công cụ đo lường sự phát triển trí tuệ có thể giúp đánh giá được chính xác, khách quan và tin cậy về trí tuệ của người học, qua đó khích lệ tiềm năng cá nhân để người học có thể đạt thành tích học tập cao hơn. Việc giải quyết các cách thức đo lường trí tuệ một cách phù hợp sẽ kéo theo sự tiến bộ và phát triển của khoa học con người và có giá trị thực tiễn to lớn, nhất là trong thời đại kinh tế tri thức, công nghiệp 4.0 hiện nay.

Trong các năng lực trí tuệ, trí tuệ ngôn ngữ (hay "trí thông minh ngôn ngữ") là một dạng trí thông minh rất quan trọng của con người và có nhiều điểm tương đồng với năng lực ngôn ngữ - một năng lực được chú trọng trong Chương trình giáo dục phổ thông (GDPT) 2018.

## 2. Kết quả nghiên cứu

### 2.1. Khái niệm "trí tuệ ngôn ngữ"

Theo Thuyết đa trí tuệ của Howard Gardner, trí tuệ ngôn ngữ là một dạng trí thông minh rất quan trọng của con người và là một ưu thế nổi trội cho người sở hữu nó. Đó là khả năng nắm bắt vốn từ vựng và ngôn ngữ, khả năng vận dụng ngôn từ uyển chuyển, khéo léo trong các hoạt động giao tiếp xã hội và trong việc giải quyết các tình huống sử dụng lời nói liên quan đến trình bày, tranh luận, diễn thuyết. Người có trí thông minh ngôn ngữ cao đặc biệt thực hiện tốt việc đọc, viết, kể chuyện và nhớ các từ ngữ. Họ có xu hướng học tốt nhất thông qua đọc sách, ghi vở, nghe giảng, thảo luận và tranh luận. Họ cũng thường thành thạo trong việc giải thích, dạy học và thuyết phục. Những người mạnh về trí thông minh ngôn ngữ cũng có khả năng học ngoại ngữ rất nhanh và rất dễ dàng vì họ có trí nhớ từ vựng, khả năng phát âm cũng như khả năng hiểu và vận dụng các cấu trúc câu và ngữ pháp. Trí thông minh ngôn ngữ bao gồm khả năng nói và viết, khả năng học ngôn ngữ và sử dụng ngôn ngữ để đạt được mục tiêu; khả năng sử

dụng ngôn ngữ hiệu quả để thể hiện bản thân bằng hùng biện hoặc qua thi ca hoặc có thể dùng ngôn ngữ để nhớ thông tin (Gardner & Lambert, 1965).

Theo Oller (1981), Premack (2004) và Dennett (2013), một số dấu hiệu nhận biết người có trí thông minh ngôn ngữ gồm: (1) Sử dụng ngôn từ linh hoạt trong cả văn nói và văn viết; (2) Khả năng ghi nhớ sự kiện dữ liệu dạng văn bản rất chính xác; (3) Có vốn từ vựng phong phú; (4) Có khả năng trình bày, giải thích cho người khác những vấn đề rắc rối một cách rất đơn giản, dễ hiểu; (5) Có thể học hiệu quả bằng việc thảo luận nhóm; (6) Dành nhiều thời gian cho việc đọc sách, những quyển sách rất quan trọng đối với bạn; (7) Thích nghe đài hoặc nghe băng hoặc đọc sách nhiều hơn là xem ti vi hay xem phim; (8) Có thể nghe thấy những từ vang lên trong đầu mình trước khi đọc, nói hay viết chúng ra; (9) Thích thú với các trò chơi có liên quan đến ngôn ngữ như đoán ô chữ, giải đố,...; (10) Thích học các môn tiếng Anh, các môn học xã hội và lịch sử hơn so với môn toán và khoa học; (11) Cuộc nói chuyện, trao đổi của bạn thường liên quan đến những thông tin mà bạn vừa được đọc hoặc nghe thấy; (12) Khi lái xe thông thả trên đường phố, bạn có xu hướng chú ý vào những thông tin viết trên bảng quảng cáo nhiều hơn là chú ý đến hình ảnh quảng cáo và quang cảnh xung quanh.

Trí thông minh ngôn ngữ bao gồm khả năng nói và nghe, khả năng học ngôn ngữ và sử dụng ngôn ngữ để đạt được mục tiêu. Đó là trí thông minh của những phóng viên, nhà văn, nhà thơ, người kể chuyện, luật sư, người có khả năng ngôn ngữ có thể tranh luận thuyết phục hướng dẫn có hiệu quả thông qua lời nói. Họ yêu thích cách sử dụng âm thanh của từ ngữ thông qua việc chơi chữ, đố từ và cách uốn lưỡi; họ có khả năng nhớ các sự kiện, khả năng đọc và viết tốt.

Trí thông minh ngôn ngữ của mỗi cá nhân có thể là một khả năng thiên bẩm, tuy nhiên sẽ được phát triển cùng trong giáo dục, bằng quá trình học tập và rèn luyện. Chương trình GDPT 2018 của Việt Nam đã xác định quan điểm tiếp cận là hình thành và phát triển các phẩm chất và năng lực của người học, trong đó năng lực ngôn ngữ là năng lực chuyên môn gắn với môn học Ngữ văn và ngoại ngữ. Xem xét các quan niệm và biểu hiện của trí thông minh ngôn ngữ, có thể thấy sự tương đồng giữa các khái niệm *năng lực ngôn ngữ*, *trí tuệ ngôn ngữ* và *trí thông minh ngôn ngữ*.

“Năng lực ngôn ngữ” cũng là một khái niệm được đề cập khá nhiều trong ngành nghiên cứu ngôn ngữ từ nửa sau thế kỉ XX. Nhiều tác giả đã đưa ra định nghĩa và mô hình về cấu trúc về năng lực ngôn ngữ dưới nhiều góc độ và quan điểm nghiên cứu khác nhau. Bachman (1990) nêu ra năng lực ngôn ngữ bao gồm một tập hợp các bộ phận kiến thức cụ thể được sử dụng trong giao tiếp thông qua ngôn ngữ. Năng lực ngôn ngữ cần đến các năng lực chiến lược là khả năng trí tuệ áp dụng các thành phần của năng lực ngôn ngữ vào việc sử dụng ngôn ngữ giao tiếp theo ngữ cảnh. Khái niệm này sau đó đã được Bachman và Palmer (1996) điều chỉnh bằng cách bổ sung khả năng trong việc sử dụng ngôn ngữ và đề xuất mô hình sử dụng ngôn ngữ tương tác giữa đặc điểm cá nhân, năng lực ngôn ngữ, kiến thức chủ đề, bộ lọc cảm xúc, trong đó thành phần chủ chốt của năng lực ngôn ngữ bao gồm kiến thức về ngôn ngữ và các chiến lược sử dụng ngôn ngữ. Các tác giả quan niệm kiến thức ngôn ngữ là những thông tin tồn tại trong trí óc và được sử dụng bởi 13 chiến lược siêu nhận thức để tạo ra hoặc giải nghĩa diễn ngôn trong quá trình sử dụng ngôn ngữ. Kiến thức ngôn ngữ được xác định gồm kiến thức ngữ pháp và kiến thức văn bản (kiến thức tổ chức), kiến thức chức năng và kiến thức ngôn ngữ xã hội (kiến thức ngữ dụng). Việc sử dụng ngôn ngữ cần các năng lực chiến lược để quản lí nhận thức trong sử dụng ngôn ngữ cũng như cần có thái độ, cảm xúc của người sử dụng ngôn ngữ.

Chương trình GDPT tổng thể (Bộ GD-ĐT, 2018a) xác định: “*Giáo dục ngôn ngữ được thực hiện ở tất cả các môn học và hoạt động giáo dục, trong đó Ngữ văn, Ngoại ngữ và Tiếng dân tộc thiểu số có vai trò chủ đạo. Giáo dục văn học được thực hiện chủ yếu ở môn Ngữ văn*”. Chương trình GDPT môn Ngữ văn (Bộ GD-ĐT, 2018b) định nghĩa năng lực ngôn ngữ là “*khả năng sử dụng các phương tiện ngôn ngữ (ngữ âm, từ vựng, ngữ pháp, ...) để đọc, viết, nói và nghe*”. Khả năng này được hình thành và phát triển vừa thông qua thực tiễn giao tiếp của học sinh với tư cách người bản ngữ, vừa thông qua việc vận dụng các kiến thức cơ bản về tiếng Việt để giao tiếp hiệu quả trong các tình huống cụ thể. Xem xét mối quan hệ giữa trí tuệ ngôn ngữ và năng lực ngôn ngữ, chúng ta có thể vận dụng các quan điểm trên trong quá trình tổ chức nội dung dạy học, đặc biệt trong việc đo lường, đánh giá các năng lực của học sinh, đáp ứng mục tiêu đầu ra của Chương trình GDPT 2018.

## 2.2. Thuyết ba tầng trí tuệ của Sternberg

Robert Sternberg (sinh ngày 08/12/1949 tại New Jersey) là một nhà tâm lí học người Mỹ và là giáo sư tâm lí học nhận thức. Nghiên cứu của ông tập trung vào các dạng trí thông minh khác nhau của con người và đo lường tâm lí. Theo Robert Sternberg, trí thông minh là “*khả năng trí tuệ hướng đến việc thích nghi, chọn lọc, hình thành có mục đích trong các môi trường thực tế liên quan đến toàn bộ cuộc sống của một người*”. Ông đưa ra khái niệm “trí tuệ

thành công” (successful intelligence) với 3 nhân tố (3 tầng trí tuệ) để đạt những mục đích quan trọng. Thuyết ba nhân tố trí tuệ của ông dựa trên quá trình con người tiếp nhận thông tin: (1) Là các quá trình bên trong cá nhân gồm các kỹ năng xử lý thông tin để hướng dẫn các hành vi thông minh (gọi là trí thông minh phân tích); (2) Năng lực tạo ra sự phù hợp tối ưu giữa kỹ năng của cá nhân và môi trường bên ngoài (gọi là trí thông minh thực hành); (3) Năng lực huy động kinh nghiệm cá nhân để ứng phó thành công (năng lực sáng tạo). Cụ thể là:

- *Trí tuệ phân tích* (Analytical or Componential Intelligence) phản ánh năng lực tư duy, suy luận, ngôn ngữ, giải quyết vấn đề, đánh giá,... Người có trí thông minh phân tích cao có khả năng nhìn thấy, tìm ra các giải pháp không thông thường bởi các kỹ năng tư duy phân tích, trừu tượng hóa, khái quát học, đánh giá,... của họ. Ví dụ: học sinh A luôn đạt điểm cao trong các test chuẩn hóa do khả năng phân tích, tóm tắt, đánh giá các giải pháp.

- *Trí tuệ sáng tạo/trải nghiệm* (Creative or Experiential Intelligence) là năng lực kết hợp những kinh nghiệm, sự kiện, khám phá, tưởng tượng, dự đoán,... theo những cách thức mới để giải quyết được những vấn đề đặt ra. Ví dụ: học sinh B là một người có trí thông minh sáng tạo vì khả năng sử dụng kiến thức và kỹ năng đã có để giải quyết các vấn đề mới thường xuyên.

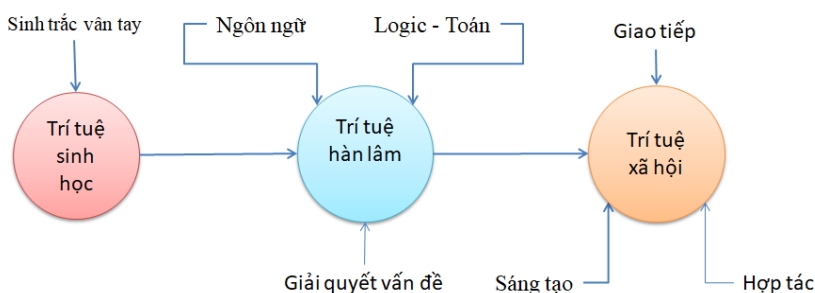
- *Trí tuệ thực hành* là năng lực hoạt động trong các tình huống thực tiễn, phản ánh sự trải nghiệm và kinh nghiệm của cá nhân khi phát hiện và giải quyết các tình huống trong thực tế. Ví dụ: bác C đang cân nhắc mua một chiếc xe máy cũ, một nhân viên bán hàng đang cố gắng thuyết phục bác mua một chiếc xe, nhưng bác đã đưa ra sự so sánh giá và đã quyết định nói “Không” với những tính năng bổ sung không cần thiết của chiếc xe mà người bán giới thiệu.

Mỗi nhân tố thông minh nêu trên lại bao gồm các trí thông minh cụ thể hơn, chẳng hạn nhân tố “trí tuệ phân tích” bao gồm khả năng tư duy về ngôn ngữ, tư duy với con số, tư duy không gian,... tạo nên một tập hợp các trí tuệ đa tầng. Từ quan niệm về trí thông minh với 3 nhân tố trên, Sternberg đã đề xuất phương pháp đo lường đánh giá trí tuệ. Phương pháp đánh giá trí tuệ cần đạt được tính khách quan, chính xác và đáng tin thực sự, có thể làm căn cứ khoa học cho giáo dục đào tạo, khoa học công nghệ cũng như cho việc lập kế hoạch phát triển. Test đo lường khả năng trí tuệ của Sternberg (Sternberg Triarchic Abilities Test - STAT) được phát triển để đánh giá các thành tố phân tích, sáng tạo và thực tiễn phù hợp với mô hình trên.

### 2.3. Vận dụng Thuyết ba tầng trí tuệ của Sternberg để xây dựng hệ thống câu hỏi đo lường trí tuệ ngôn ngữ của học sinh Việt Nam

Vận dụng Thuyết ba nhân tố của Sternberg và các năng lực cốt lõi của Chương trình giáo dục phổ thông 2018, nhóm nghiên cứu đã tập trung vào 7 loại năng lực liên quan đến Thuyết đa trí tuệ như hình 1 (theo Nguyen Thi Lan Phuong và Tran Huy Hoang, 2020):

- Sinh trắc vân tay: thuộc nhân tố di truyền, tầng trí tuệ sinh học.
- Các năng lực Ngôn ngữ, Logic - Toán và Giải quyết vấn đề: thuộc các nhân tố giáo dục và văn hóa, tầng trí tuệ hàn lâm và trí tuệ Phân tích, Sáng tạo của thuyết Sternberg.
- Các năng lực Sáng tạo, Giao tiếp và Hợp tác: thuộc các nhân tố trải nghiệm, giáo dục và văn hóa, thuộc tầng trí tuệ xã hội và trí tuệ thực tiễn của thuyết Sternberg.



Hình 1. Các loại trí tuệ được nghiên cứu và đánh giá (theo Nguyen Thi Lan Phuong, Tran Huy Hoang, 2020)

Hệ thống câu hỏi đo lường khả năng trí tuệ của Sternberg (STAT) được phát triển để đánh giá các thành tố phân tích, sáng tạo và thực tiễn phù hợp với mô hình lý thuyết trên. Mỗi thành tố này sẽ có 3 tiêu test về các lĩnh vực ngôn ngữ, định lượng và không gian, được kí hiệu là I, II,... IX. Cụ thể như sau:

I. Phân tích - Ngôn ngữ (*Analytical-Verbal*): xác định nghĩa mới của từ trong đoạn văn mô phỏng bối cảnh tự nhiên, phù hợp với giả định được coi là đúng.

II. Phân tích - Định lượng (*Analytical-Quantitative*): dựa vào dữ kiện, điều kiện về số để tìm các số khuyết thiếu, quy luật dãy số,...

III. Phân tích - Hình tượng (*Analytical-Figural*): lựa chọn đối tượng phù hợp với không gian bị khuyết thiếu.

IV. Sáng tạo - Ngôn ngữ (*Creative-Verbal*): trình bày bằng lời cách giải quyết các vấn đề tương tự/ mới trên cơ sở phân biệt những điều trước đây cho là đúng.

V. Sáng tạo - Định lượng (*Creative-Quantitative*): trình bày các quy tắc và giải quyết các vấn đề toán học dựa theo các quy tắc đó.

VI. Sáng tạo - Hình tượng (*Creative-Figural*): hoàn thành/ tạo ra hình mới bằng cách áp dụng các quy tắc phù hợp cùng với việc biến đổi/ chuyển đổi một loạt vấn đề liên quan đến hình tượng không gian

VII. Thực tiễn - Ngôn ngữ (*Practical-Verbal*): tìm ra giải pháp tốt nhất cho một loạt các vấn đề hàng ngày bằng cách chọn các tùy chọn được cung cấp.

VIII. Thực tiễn - Định lượng (*Practical-Quantitative*): giải quyết các tình huống hàng ngày thông qua các vấn đề toán học liên quan đến thực tiễn.

IX. Thực tiễn - Hình tượng (*Practical-Figural*): tìm đường đi một cách hiệu quả thông qua khu vực được mô tả trong bản đồ.

Có thể vận dụng test đo lường trí tuệ của Sternberg để đo lường khả năng ngôn ngữ của học sinh Việt Nam qua việc xây dựng Bộ test trí tuệ học sinh các lớp 5, 9 và 11, trong đó mỗi loại trí tuệ đều bao gồm 3 lĩnh vực: Ngôn ngữ, Định lượng và Không gian. Chẳng hạn, cấu trúc STAT-A của Sternberg (dành cho người trên 16 tuổi) được xây dựng theo bảng sau:

Bảng 1. Cấu trúc STAT-A của Sternberg

Lĩnh vực \ Thành tố	Phân tích	Sáng tạo	Thực tiễn	Tổng
Ngôn ngữ	I: 4 câu hỏi	IV: 4 câu hỏi	VII: 4 câu hỏi	12
Định lượng	II: 4 câu hỏi	V: 4 câu hỏi	VIII: 4 câu hỏi	12
Hình tượng	III: 4 câu hỏi	VI: 4 câu hỏi	IX: 4 câu hỏi	12
Tổng	12	12	12	36

Trong bảng trên, lĩnh vực ngôn ngữ được đánh giá ở cả 3 thành tố thông minh, được biểu hiện ở mỗi thành tố như sau:

- Phân tích - Ngôn ngữ: nhằm đánh giá khả năng sử dụng từ, xác định nghĩa từ; ý nghĩa của chi tiết trong văn bản, đánh giá được ý nghĩ, tư tưởng qua ngôn từ, phân tích được sự phát triển của mạch truyện,...

- Sáng tạo - Ngôn ngữ: nhằm đánh giá khả năng trình bày bằng lời ý tưởng tìm tòi giải pháp cho vấn đề mới/ không thông thường; giải thích các thể loại ngôn ngữ (như hình tượng, kí hiệu, nghĩa bóng,...); những kiến giải của cá nhân về nội dung và ý nghĩa của văn bản;

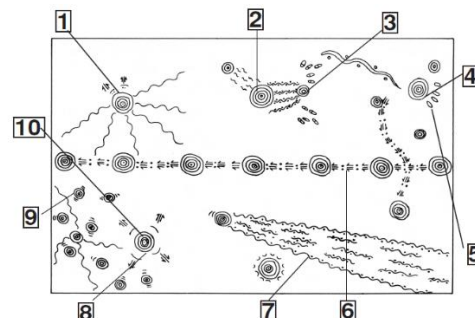
- Thực tế - Ngôn ngữ: nhằm đánh giá khả năng liên hệ giữa các hình ảnh với thực tiễn, trình bày giải pháp khả thi và đưa ra quyết định trong thế giới thực, lí giải được kí hiệu trong tranh,...

Các câu hỏi test gồm 3 loại: Nhiều lựa chọn; Tự luận mở; Đọc và viết.

Sau đây là một số ví dụ minh họa cho các câu hỏi đánh giá khả năng ngôn ngữ của HS theo Thuyết ba tầng của Sternberg (kí hiệu các câu hỏi tương ứng với mục tiêu đánh giá các nhân tố: phân tích - PT; Sáng tạo - ST; Thực tế - TT)

**Ví dụ 1: Nhìn vào bức tranh sa mạc và các thông tin để trả lời các câu hỏi ở dưới.**

Trích từ *Giấc mơ sa mạc* (tác phẩm nghệ thuật của Michael Nelson Tjakamarra).





Michael Nelson Tjakamarra (sinh năm 1949). Walpiri Papunya, Northern Territory là những địa danh của *Giấc mơ sa mạc phương Tây*.

Giải thích một số thông tin (hình đánh số):

- 1 - Hai tổ chuột túi và các lạch nước xung quanh vị trí của Dreaming.
- 2 - Vị trí của Kalitjara, nơi những chiếc dao bằng đá vừa được tìm thấy.
- 3 - Mt Singleton, nơi tổ tiên loài thú có túi được trang bị dao đá đã đánh bại tổ tiên loài ấu trùng gặm nhấm khoai tây hoang dã.
- 4 - Mt Wedge, nơi mà tổ tiên loài thú có túi wallaby vẫn tồn tại đến hôm nay sau cuộc hành trình từ Tjuntyi, dừng lại tại hồ nước trước khi đến Wedge Mt.
- 5 - Một trong bốn loài ấu trùng biến đổi từ loài rắn cầu vòng và đi về phía bắc hướng về các vỉa đá ở sa mạc Tanami.
- 6 - Tổ tiên chuột túi đi giữa những vùng thánh địa bí mật.
- 7 - Những dấu vết của tổ tiên loài thú có túi.
- 8 - Mawitju, phía bắc của Vaughan Springs, vùng Possum Dreaming, nơi người đàn ông và phụ nữ nguyên thủy biểu diễn điệu múa dân gian.
- 9 - Vaughan Springs. Những đường lượn sóng là những bụi dây leo. Những hoa văn này được sử dụng như một trang trí cho cơ thể.
- 10 - Wantapi, nơi được bao quanh bởi bốn tổ tiên loài chuột túi (nguồn: NAPLAN 2009).

*Câu 1 (PT). Mục đích của sơ đồ sau bức tranh là gì?*

- A. Trình bày việc làm thế nào để vẽ bức tranh
- B. Liệt kê tên của các vị trí của giấc mơ
- C. Mô tả các địa điểm ở sa mạc phương Tây
- D. Giải thích ý nghĩa của các biểu tượng

*Câu 2 (PT). Biểu tượng sau thể hiện điều gì?*

- A. Lạch nước/hồ nước
- B. Các vỉa đá Granites
- C. Nơi ở riêng, bí mật
- D. Những bụi dây leo



*Câu 3 (PT). Hãy viết tiếp câu trả lời sau:*

Trong *Bức tranh sa mạc*, tác giả đã thể hiện cuộc sống của tổ tiên các loài liên quan đến cuộc hành trình và xung đột cũng như .....

*Câu 4 (TT). Các kí hiệu trên biểu đồ thể hiện gì về thế giới tự nhiên và thế giới tôn giáo?*

*Câu 5 (ST). Anh chị hãy nêu nhận xét về một điểm đặc sắc của bức tranh trên.*

**Ví dụ 2: Đọc bài thơ *Đồng chí* của nhà thơ Chính Hữu** (Ngữ văn 9, tập 1, NXB Giáo dục Việt Nam 2020, tr 128) và thực hiện các yêu cầu.

*Câu 1 (PT). Hình ảnh người lính xuất hiện trong bài thơ mang vẻ đẹp như thế nào?*

- |                        |                          |
|------------------------|--------------------------|
| A. Chân thực, giản dị  | B. Hào hoa, phong nhã    |
| C. Thâm trầm, sâu lắng | D. Ngang tàng, khí phách |

*Câu 2 (PT). Nội dung chính được thể hiện trong sáu câu thơ đầu là gì?*

- A. Những người lính đều sinh ra và lớn lên ở những vùng quê nghèo khó nhưng giàu truyền thống cách mạng.
- B. Tình đồng chí bắt nguồn từ sự tương đồng về nguồn gốc xuất thân và lí tưởng cách mạng.
- C. Những điểm giống và khác nhau giữa quê hương yêu dấu của những người lính anh hùng.
- D. Cơ sở vững bền của tình đồng chí là tình cảm keo sơn của những người nông dân đến từ các vùng quê.

*Câu 3 (PT). Phương án nào nêu đúng về mạch nội dung chủ đạo được triển khai trong mười câu thơ tiếp theo?*

- A. Tinh thần quyết tử cho Tổ quốc quyết sinh của những người lính.
- B. Tình cảm chân thành của những người lính dành cho nhau.
- C. Những biểu hiện cụ thể, cảm động về tình đồng chí.
- D. Nỗi vất vả, thiếu thốn mà người lính phải trải qua trong chiến đấu.

